NHỮNG BƯỚC TIẾN TRONG VIỆC THỂ CHẾ HOÁ CHỦ TRƯƠNG CHÍNH SÁCH VỀ TÔN GIÁO Ở NƯỚC TA TRONG THỜI GIAN GẦN ĐÂY

BÙI ĐỨC LUẬN(*)

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX cuối năm 2001 tiếp tục khẳng định chủ trương trước sau như một của Đảng ta là thực hiện nhất quán chính sách tôn giáo; tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo theo đúng pháp luật. Những nội dung cơ bản của Văn kiện đặt nền tảng cơ bản lâu dài cho việc thể chế hoá thành những quy định pháp luật. Ngày 25/12/2001, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 51/2001/QH10 của Quốc hội khoá X về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, trong đó bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội: "*quyết định chính sách tôn giáo của Nhà nước*". Điều này được cụ thể hoá tại Điều 13 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001: "*Thực hiện chính sách tôn giáo, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào của công dân; bảo đảm sự bình đẳng giữa các tôn giáo trước pháp luật; chống mọi hành vi xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước*".

Khái niệm chính sách tôn giáo ở đây cần được hiểu là một hệ thống kế hoạch hành động, được đưa ra để áp dụng. Đó là đường lối và cách xử sự tốt nhất có được trong bối cảnh hiện nay. Thực ra hệ thống này không phải bây giờ mới có, nó gắn liền với tiến trình lịch sử cách mạng đất nước từ trước đến nay và ngày càng được hoàn thiện. Chính sách tôn giáo của Nhà nước ta được đặt trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân vì sự nghiệp chung của đất nước. Chính phủ tôn trọng sự lựa chọn niềm tin của con người, vì quyền và lợi ích hợp pháp của cộng đồng các tôn giáo ở Việt Nam. Để bảo vệ nó, Nhà nước nghiêm cấm việc kì thị tôn giáo cũng như lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc để hoạt động trái pháp luật. Nội dung cốt lõi của chính sách tôn giáo không chỉ mang tính chất định hướng mà còn định tính, định lượng, lựa chọn các giải pháp ưu tiên thiết thực nhằm tạo sự chuyển biến ổn định để giải quyết lâu dài vấn đề tôn giáo ở nước ta trong thời kì đổi mới. Sau khi có quy định tại Hiến pháp sửa đổi bổ sung 2001 và Luật Tổ chức Chính phủ, ngay tại kì họp thứ 2 Quốc hội XI Thủ tướng Phan Văn Khải đã báo cáo trước Quốc hội tổng quát chương trình của Chính phủ để Quốc hội xem xét, quyết định. Nội dung cụ thể như sau:

"*Trước sau như một, Đảng và Nhà nước ta thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, đoàn kết đồng bào theo các tôn*

*. Ban Tôn giáo của Chính phủ.

giáo khác nhau, đồng bào có đạo với đồng bào không theo tôn giáo, cùng nhau phấn đấu thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Chính sách đó được thể chế qua từng bước hoàn thiện pháp luật về tôn giáo. Các cấp chính quyền phối hợp với các cơ quan quản lí nhà nước về tôn giáo tổ chức thực hiện tốt pháp luật đã ban hành, tuyên truyền, giải thích cho đồng bào có đạo hiểu chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là chính sách tôn giáo và chính sách dân tộc, phân biệt hoạt động tôn giáo lành mạnh với những hành vi lợi dụng tôn giáo làm trái pháp luật. Chính phủ sẽ kiện toàn bộ máy quản lí nhà nước về tôn giáo ngang tầm đòi hỏi của tình hình mới và ý nghĩa quốc tế của công tác này, đáp ứng nhu cầu của gần 20 triệu đồng bào có đạo".

Trên đây là những nội dung công tác quan trọng của Chính phủ đệ trình Quốc hội xem xét, đồng thời là một bước tiến quan trọng trong việc thể chế hoá chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhà nước. Việc hoạch định chính sách vĩ mô tạo thuận lợi cho công tác xây dựng Dự thảo Pháp lệnh về tôn giáo và khẩn trương chuẩn bị các văn bản hướng dẫn. Điều đó giúp chúng ta có thêm những căn cứ quan trọng để tiếp tục hoàn thiện bản Dự thảo Pháp lệnh trình Uỷ ban Thường vụ Quốc hội dự kiến vào quý 4 năm 2003 theo chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2003.

Nhân dịp này chúng tôi giới thiệu một vài nội dung quy định về lĩnh vực tôn giáo đã được chỉnh sửa, xuất phát từ thực tiễn quản lí và đòi hỏi của cuộc sống đang diễn ra. Nói chung việc chỉnh đổi bổ sung không lớn, nhưng để làm được điều đó trong phạm vi đối tượng nhiều nhạy cảm này quả thật là khó khăn và phải hết sức thận trọng.

***Về công nhận và cho phép hoạt động đối với giáo hội và các tổ chức tôn giáo tương đương*:**

Hiện nay ở nước ta có 14 giáo hội và các tổ chức tôn giáo tương đương của 6 tôn giáo lớn đã được Nhà nước công nhận. Ngoài Giáo hội Phật giáo và Giáo hội Công giáo đã tồn tại từ trước đây, 12 tổ chức còn lại đều được công nhận vào thời gian từ năm 1995 đến nay. Phải chăng điều này là hệ quả của sự phát triển tôn giáo nhanh chóng và mạnh mẽ? Theo chúng tôi, trong thời gian gần đây, tôn giáo có sự phát triển về nhiều mặt, song việc công nhận các giáo hội và các tổ chức tôn giáo không chỉ đơn thuần là xuất phát từ sự phát triển của tôn giáo mà chủ yếu và quan trọng là có sự đổi mới của Đảng và Nhà nước trong quan điểm, cách nhìn nhận về giáo hội cũng như đã thể chế hoá thành quy định của pháp luật đối với lĩnh vực này. Xuất phát từ quan điểm được Nghị quyết 24/NQ-TW của Bộ Chính trị đề ra và được Nghị định 26/1999/NĐ-CP của Chính phủ thể chế tại khoản 1 điều 8: "*Tổ chức tôn giáo có tôn chỉ, mục đích, đường hướng hành đạo, cơ cấu tổ chức phù hợp với pháp luật và được Thủ tướng Chính phủ cho phép hoạt động thì được pháp luật bảo hộ*". (Nội dung này chưa được đề cập trong Nghị định 69-HĐBT trước đây). Và kết quả là từ năm 1995 đến nay, Nhà nước đã công nhận và cho phép hoạt động 9 giáo hội các phái Cao Đài, Ban đại diện Phật giáo Hoà Hảo, Ban đại diện cộng đồng Hồi giáo Thành phố Hồ Chí Minh và đặc biệt là vào tháng 4 năm 2001, Nhà nước công nhận Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam). Việc thành lập một giáo hội là một việc khó khăn. Sau khi có chủ trương cho phép, các nhân vật tôn giáo có uy tín thành lập Ban Vận động. Việc thành lập Ban Vận động là một khâu rất

quan trọng, vì Ban vận động sẽ là cơ quan đầu mối, tiếp xúc, liên lạc với nhóm, họ đạo riêng lẻ, các tín đồ, chức sắc trong tôn giáo hoặc hệ phái. Không những thế họ phải tiến hành xây dựng Tiểu ban tổ chức đại hội, Tiểu ban dự thảo Hiến chương (hoặc Điều lệ),... Thông thường các thành viên của Ban Vận động sẽ là những nhân vật chủ chốt trong giáo hội sau này. Trước khi tiến hành đại hội, theo luật định, việc dự kiến danh sách nhân sự và dự thảo hiến chương, điều lệ của tôn giáo đó phải được Ban Tôn giáo của Chính phủ chấp thuận.Việc chấp thuận này không phải vì Nhà nước can thiệp vào công việc nội bộ của tôn giáo mà đây là một trong những biện pháp bảo đảm sự thành công cho tôn giáo đó. Nhà nước chỉ xem xét các thành viên đó với tư cách công dân, có vi phạm pháp luật hoặc có hoạt động lợi dụng tôn giáo hay không. Thực tiễn vừa qua cho thấy, quy trình thành lập, công nhận giáo hội và các tổ chức tôn giáo tương đương là một trong những thành công của việc thể chế hoá đường lối của Đảng về công tác tôn giáo. Đồng bào theo tôn giáo sau khi được Nhà nước công nhận và cho phép thành lập giáo hội đã yên tâm, phấn khởi sinh hoạt tôn giáo, thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mình. Việc công nhận các giáo hội, tổ chức tôn giáo còn góp phần đấu tranh chống lại những tổ chức lợi dụng tôn giáo, mang danh tôn giáo nhằm các mục đích vụ lợi khác. Đơn cử như việc công nhận Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam), trong Hội Thánh đã hội tụ cả những cơ sở đạo của các đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, khẳng định đạo Tin Lành ở Tây Nguyên là một bộ phận của Hội Thánh, qua đó làm rõ bộ mặt của cái gọi là "Tin Lành Đề Ga", thực chất chỉ là một tổ chức chính trị phản động đội lốt tôn giáo nhằm mưu đồ lôi kéo, kích động quần chúng nhân dân chống chính quyền. Cái gọi là Tin Lành Đề Ga đã bị Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) kịch liệt lên án.

Có thể khẳng định việc quy định về công nhận và thành lập giáo hội là một trong những bước tiến rõ nét của sự thể chế hoá chính sách, chủ trương của Đảng về công tác tôn giáo. Mặc dù quan điểm này đã có từ năm 1990 song trước tình hình thực tiễn có nhiều phức tạp, Nhà nước tạm thời chưa quy định cụ thể, chỉ tiến hành thực hiện ở một số các giáo phái. Sau khi có kinh nghiệm thực tiễn, có lí luận, các nhà quản lí đã pháp luật hoá các quan điểm chủ trương đó và nhanh chóng áp dụng các quy định pháp luật vào trong thực tế như đã trình bày ở trên.

Về đất đai, tài sản có liên quan đến tôn giáo

Trước đây và ngay cả hiện nay, đất đai, tài sản có liên quan đến tôn giáo đã và đang là vấn đề phức tạp và được sự quan tâm của nhiều cấp, nhiều ngành. Nó có tác động, ảnh hưởng cả về mặt chính trị và xã hội đối với đời sống nhân dân. Hiện nay cả nước có 22.195 cơ sở thờ tự của các tôn giáo. Trong đó, Phật giáo 14.043; Công giáo 6.003; Tin Lành 266; Cao Đài 1.284; Phật giáo Hoà Hảo 522; Hồi giáo 77. Về đất đai, theo thống kê tại thời điểm tháng 4/2002 tại 22 tỉnh, thành phố thì diện tích đất tôn giáo đang sử dụng là 62.600.017 m^2 (gần 6.260 ha). Theo thống kê của Ban Tôn giáo của Chính phủ trong 5 năm 1996-2001 tại 33 tỉnh thành phố có 1.118 vụ khiếu kiện liên quan đến tôn giáo, trong đó 80% liên quan đến đất đai, tài sản tôn giáo và thông thường các vụ này kéo dài cùng với số lượng người tham gia đông đã gây ảnh hưởng không nhỏ. Phải nói ngay rằng với nỗ lực không mệt mỏi của các cấp chính quyền, đến nay chúng ta đã

giải quyết về cơ bản 85% số vụ việc. Hiện nay chỉ còn khoảng 15% vụ việc nổi cộm, đang tập trung thanh tra, làm rõ và giải quyết dứt điểm. Bài học vừa qua cho thấy khi nói đến đất đai, tài sản liên quan đến tôn giáo, có hai vấn đề lớn được đặt ra là vấn đề giải quyết các tài sản, đất đai liên quan đến tôn giáo do lịch sử để lại và vấn đề cấp đất mới cho tôn giáo như thế nào.

Về tài sản, đất đai liên quan đến tôn giáo do lịch sử để lại, vấn đề đặt ra là chúng ta giải quyết như thế nào đối với tài sản, đất đai có nguồn gốc tôn giáo do các cơ quan, tổ chức của Nhà nước đang sử dụng. Tại Nghị quyết 24 NQ/TW đưa ra quan điểm "*giữ nguyên hiện trạng*" đối với các "*cơ sở vật chất tôn giáo đã hiến cho sự nghiệp phúc lợi công cộng*". Sau này, trong quá trình phát triển vấn đề này đã được Đảng đề cập một cách rõ nét, cụ thể hơn nữa. Nghị định 26/1999/NĐ-CP của Chính phủ đã thể chế hoá vấn đề này như sau: "*Nhà, đất và các tài sản khác đã được tổ chức, cá nhân tôn giáo chuyển giao cho các cơ quan nhà nước quản lí, sử dụng do thực hiện chính sách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tặng, hiến cho Nhà nước thì đều thuộc quyền sở hữu của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*". Có sự phát triển quan điểm của Đảng trong Nghị định 26/1999/NĐ-CP. Từ chỗ chỉ nói các trường hợp "đã hiến", "đã hiến nhượng", Nghị định 26/1999/NĐ-CP đã điều chỉnh các trường hợp "đã chuyển giao cho cơ quan nhà nước quản lí, sử dụng". Trong quá trình dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị định 26/1999/NĐ-CP cũng như quá trình xây dựng Pháp lệnh về Tôn giáo, vấn đề này là vấn đề nan giải và đã được thảo luận phản biện rất sôi nổi, có nhiều quan điểm, cách giải quyết khác nhau được đưa ra và đưa đến kết luận là phải xin ý kiến chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên hiện nay hướng xử lí đang được sự chú ý đó là, chia làm 3 trường hợp để giải quyết cụ thể: Các cơ sở tôn giáo đã được hiến, tặng cho Nhà nước hoặc do Nhà nước tịch thu, trưng thu, trưng mua, trưng dụng thì thuộc quyền sở hữu của Nhà nước; Đối với các cơ sở tôn giáo không có chứng cứ rõ ràng (không có văn bản mượn, hiến, tặng, tịch thu, trưng thu, trưng mua, trưng dụng) thì phải làm rõ để xử lí tiếp; Các cơ sở mà Nhà nước mượn của tôn giáo, nay tôn giáo có nhu cầu đòi lại thì Nhà nước trả lại. Trường hợp Nhà nước trả lại cơ sở có nguồn gốc của tôn giáo thì tuỳ vào hoàn cảnh cụ thể, có thể trả lại chính cơ sở đó, có thể hoán đổi một cơ sở khác, có thể cấp đất mới và đền bù để cơ sở tôn giáo xây dựng lại theo tinh thần của Nghị quyết số 58/NQ-UBTVQH10 về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 1/7/1991.

Chúng ta nhận thấy, việc thể chế hoá vấn đề này có sự sáng tạo, phát triển của các nhà quản lí, các nhà làm luật. Điều này được xuất phát từ thực tiễn, đất đai, đặc biệt là đất đai tôn giáo là vấn đề rất phức tạp, nhạy cảm. Đáng mừng là ở nhiều tỉnh, thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, Cần Thơ, Hà Tây, Đồng Nai... đã giải quyết thành công nhiều vụ tranh chấp khiếu kiện đất đai tôn giáo do lịch sử để lại, đúc rút những kinh nghiệm hết sức quý báu.

Vấn đề thứ hai là cấp đất mới và công nhận quyền sử dụng đất của tôn giáo. Đối với cấp đất mới, Đảng có chủ trương: xem xét nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo chính đáng và điều kiện hoàn cảnh cụ thể của từng nơi, từng địa phương "*để có giải pháp phù hợp hoặc cho xây dựng mới trong từng trường hợp cần thiết*" mà

điều đó không làm ảnh hưởng tới các phương án quy hoạch của địa phương. Tuy nhiên có khúc mắc hiện nay là Luật đất đai năm 1993 chưa thể chế hoá kịp thời đường lối này. Tại Điều 51 quy định: "*Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào chính sách tôn giáo của Nhà nước, quỹ đất đai của địa phương, quyết định diện tích đất giao cho nhà chùa, nhà thờ, thánh thất tôn giáo trên cơ sở đất đai mà nhà chùa, nhà thờ, thánh thất tôn giáo đang sử dụng*". Quy định trên chưa hợp lí về nội dung và về đối tượng điều chỉnh. Về nội dung, chỉ cấp "*trên diện tích đất đang sử dụng*" còn về đối tượng điều chỉnh thì chỉ cấp cho "*nhà chùa, nhà thờ, thánh thất*" vậy còn thánh đường, niệm phật đường, tu viện,... thì như thế nào? Để khắc phục điểm này, kịp thời thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng để đưa vào thực tiễn, Tổng cục Địa chính và Ban Tôn giáo của Chính phủ ban hành Thông tư liên tịch số 1646/TTLT-TCĐC-TGCP ngày 30/10/2000 hướng dẫn: "*Trường hợp các cơ sở tôn giáo hoạt động hợp pháp, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép xây dựng cơ sở thờ tự mới thì Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định diện tích xây dựng. Thủ tục xin giao đất thực hiện theo quy định hiện hành và phải có ý kiến của cơ quan quản lí Nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh*".

Về vấn đề cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chủ trương của Đảng là: "*Các tôn giáo có đất đai, nơi thờ tự và các cơ sở vật chất cần thiết khác để phục vụ hoạt động tôn giáo bình thường, chính đáng phải được quản lí theo quy định của pháp luật hiện hành*". Điều đó khẳng định là các tôn giáo được có cơ sở tôn giáo, nơi thờ tự và các cơ sở vật chất cần thiết khác. Tinh thần này được khẳng định trong Nghị định 26/1999/NĐ-CP, Thông tư 01/1999/TT-TGCP ngày 16/61999 của Ban Tôn giáo của Chính phủ hướng dẫn thực hiện một số điều trong Nghị định 26/1999/NĐ-CP (Phần III. Về cơ sở thờ tự của tổ chức tôn giáo) và được đề cập chi tiết tại Thông tư liên tịch số 1646/TTLT-TCĐC-TGCP: "*Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các nhà chùa, nhà thờ, thánh thất, niệm phật đường, điện thờ, tự viện, tịnh xá, tịnh thất, tượng, đài bia, tháp, các trường đào tạo riêng của tôn giáo và trụ sở của tổ chức tôn giáo với tên gọi của công trình tôn giáo và địa danh cụ thể. Cơ sở tôn giáo được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cử người đại diện hợp pháp chịu trách nhiệm trước Nhà nước về sử dụng đất của cơ sở tôn giáo tại địa phương*".

Tuy nhiên, Nhà nước không giao quyền sử dụng đất của cơ sở thờ tự cho một cá nhân hay một tổ chức tôn giáo nào mà Nhà nước chỉ giao quyền sử dụng cho cộng đồng tín đồ (đại diện là ban quản lí cơ sở thờ tự, ban hộ tự của Phật giáo, ban hành giáo của Công giáo,...). Điều này phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự quy định về sở hữu chung của cộng đồng tại Điều 234: "*Sở hữu chung của cộng đồng là sở hữu của dòng họ, thôn, ấp, làng, bản, cộng đồng tôn giáo và các cộng đồng dân cư khác đối với tài sản được hình thành theo tập quán, tài sản do các thành viên của cộng đồng cùng nhau đóng góp, quyên góp, được tặng cho chung hoặc từ các nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật nhằm mục đích thoả mãn lợi ích chung hợp pháp của cả cộng đồng*."

Về chuyển giao nhà đất. Để tránh việc "biến gia vi tự" một cách tuỳ tiện đã xảy ra ở một số nơi, tại Điểm 2, Mục 3 Phần III, Thông tư 01/1999/TT-TGCP quy định: "*Nhà nước không chấp thuận việc chuyển giao nhà đất của cá nhân thành cơ sở thờ tự của tôn giáo dưới bất cứ hình thức*

nào". Tuy nhiên trong quá trình vận dụng, gặp một số vướng mắc do thực hiện quy hoạch một số địa phương, chính quyền cho phép hoán đổi một số cơ sở nhà đất của cá nhân để tạo lập cơ sở thờ tự mới. Đáp ứng đòi hỏi từ thực tiễn quản lí, quy định trên đã được sửa đổi thành: "*Không được chuyển giao nhà đất của cá nhân thành cơ sở thờ tự của tôn giáo nếu chưa được sự chấp thuận của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh*" (Quyết định 17/2000/QĐ-TGCP ngày 20/3/2000 của Trưởng Ban Tôn giáo của Chính phủ).

Phải nói vấn đề đất đai, tài sản tôn giáo là vấn đề hết sức phức tạp và việc thể chế hoá quan điểm, đường lối của Đảng để từ đó đi vào thực tiễn là cả một quá trình cam go, khó khăn, song cái đích cuối cùng là đáp ứng đúng và kịp thời đòi hỏi của cuộc sống nhằm thực hiện tốt chính sách Nhà nước. Hiện tại lĩnh vực đất đai tôn giáo vẫn còn những tồn tại vướng mắc, điều đó liên tục được khắc phục và đã tạo ra những bước tiến để hoàn thiện dần các quy định nhằm ổn định một bước lĩnh vực quan trọng này trong thực hiện chính sách tôn giáo.

Về thể chế hoá tổ chức, bộ máy làm công tác quản lí nhà nước lĩnh vực tôn giáo trong tình hình mới.

Ngày 12/11/2002, Thủ tướng Chính phủ báo cáo trước Quốc hội chủ trương của Đảng về tôn giáo trong thời gian tới là tăng cường quản lí nhà nước lĩnh vực tôn giáo: "*Chính phủ sẽ kiện toàn bộ máy quản lí nhà nước về tôn giáo ngang tầm đòi hỏi của tình hình mới và ý nghĩa quốc tế của công tác này đáp ứng nhu cầu của gần 20 triệu đồng bào có đạo*". Việc kiện toàn này gắn với chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước đến năm 2010. Nội dung kiện toàn bao gồm 3 vấn đề. Một là, xác định rõ cơ cấu bộ máy của hệ thống chuyên ngành làm công tác quản lí nhà nước lĩnh vực tôn giáo từ Trung ương đến địa phương bao gồm Ban Tôn giáo của Chính phủ với cơ cấu đủ mạnh và Ban Tôn giáo cấp tỉnh với cơ cấu hợp lí để thực hiện được nhiệm vụ của mình. Hai là, xác định rõ vị trí chức năng của ngành làm công tác quản lí nhà nước theo hướng: là cơ quan hành chính nhà nước, tham mưu giúp Chính phủ và chính quyền địa phương thực hiện chính sách tôn giáo và trực tiếp quản lí nhà nước lĩnh vực tôn giáo theo pháp luật. Ba là, kiện toàn và bố trí đội ngũ cán bộ công chức, viên chức nhà nước có năng lực trình độ am hiểu về lĩnh vực tôn giáo phụ trách công việc này. Ban Tôn giáo của Chính phủ vẫn giữ chức năng là đầu mối liên hệ với các giáo hội và tổ chức tôn giáo tương đương cũng như phối hợp với các ngành trong giải quyết các vấn đề tôn giáo cụ thể.

Những nội dung quy định trên trong tương lai gần sẽ được thể hiện trong một Nghị định của Chính phủ về tổ chức bộ máy nhằm thực hiện công tác củng cố hệ thống quản lí nhà nước về lĩnh vực tôn giáo.

Công tác thể chế hoá chủ trương, chính sách thành pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực tôn giáo thời gian gần đây đã có những tiến bộ lớn. Hệ thống quy phạm pháp luật đang có hiệu lực thi hành cùng với những điểm sửa đổi bổ sung kịp thời về cơ bản đã tạo ra môi trường pháp lí thích hợp được cuộc sống chấp nhận, đảm bảo cho đồng bào có đạo được sinh hoạt, hoạt động tôn giáo bình thường. Nhìn chung tại mọi miền đất nước, quần chúng có đạo đã yên tâm phấn khởi, tin tưởng ở đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đoàn kết nhất trí cùng toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc./.